Giới thiệu

Trương Triều (张潮) tên chữ Sơn Lai (山来), hiệu Tâm Trai (心斋), người tỉnh An Huy (安徽), sinh năm 1650 vào năm Thuận Trị thứ tám, đời Thanh, không rõ năm mất. Tiểu sử của ông rất ít, hậu thế biết đến ông nhờ tác phẩm để lại. Ông là một nhà thơ, nhà văn, nổi tiếng với tập "U mộng ảnh" (幽夢影), và "Ngu sơ tân chí" (虞初新志).

“U mộng ảnh” là một tập sách gồm 220 câu cách ngôn nói về nghệ thuật thưởng thức đời sống, về sau rất được giới văn nhân tài tử ưa chuộng. Lâm Ngữ Đường nhận xét: "Cuốn "U mộng ảnh" của ông chứa nhiều câu cách ngôn cũng như nhiều tác phẩm khác của Trung Hoa, nhưng không cuốn nào bằng cuốn của ông. Cách ngôn của ông so với ngạn ngữ thì không khác chi truyện của Andersen so với truyện thần tiên của Anh, hoặc những khúc ca của Schubert so với các khúc dân ca. Cuốn đó được văn nhân Trung Hoa rất thích đọc và nhiều nhà đọc xong, ghi thêm ít lời phê bình trang nhã."

Tại Việt Nam, “U mộng ảnh” đã được dịch giả Huỳnh Ngọc Chiến biên dịch và chú thích 215 câu (Nxb Văn hóa Thông tin, 2007). Cuốn ebook này được thực hiện bởi yeuchip, theo ấn bản điện tử của <http://codatu.wordpress.com>, giới thiệu 200 câu trích từ bản của Huỳnh Ngọc Chiến.

U mộng ảnh

1. Kinh sách nên đọc vào mùa đông, vì tinh thần được chuyên nhất; sử nên đọc vào mùa hè, vì ngày dài; chư tử nên đọc vào mùa thu, vì nhiều ý lạ; sách các nhà khác nên đọc vào mùa xuân, vì khí trời thoải mái.

讀 經 宜 冬， 其 神 專 也 ; 讀 史 宜 夏， 其 時 久 也 ; 讀 諸 子 宜 秋， 其 致 別 也 ; 讀 諸 集 宜 春 其 機 暢 也。

Độc kinh nghi đông, kỳ thần chuyên dã; độc sử nghi hạ, kỳ thời cửu dã; độc chư tử nghi thu, kỳ trí biệt dã; độc chư tập nghi xuân, kỳ cơ sướng dã.

2. Kinh truyện[[1]](#_1_1) nên đọc một mình, mà sử giám[[2]](#_2_1) nên đọc cùng bạn.

經 傳 宜 獨 坐 讀，史 鑑 宜 與 友 共 讀。

Kinh truyện nghi độc tọa độc; sử giám nghi dữ hữu cộng độc.

3. Không thiện không ác là bậc thánh, nhiều thiện ít ác là bậc hiền, ít thiện nhiều ác là hạng người tầm thường, có ác không thiện là hạng tiểu nhân, có thiện không ác là hàng Tiên, Phật.

無 善 無 惡 是 聖 人， 善 多 惡 少 是 賢 者， 善 少 惡 多 是 庸 人， 有 惡 無 善 是 小 人， 有 善 無 惡 是 仙 佛。

Vô thiện vô ác thị thánh nhân; thiện đa ác thiểu thị hiền giả; thiện thiểu ác đa thị dung nhân; hữu ác vô thiện thị tiểu nhân; hữu thiện vô ác thị Tiên Phật.

4. Trong thiên hạ có được một người tri kỷ, thì không còn ân hận gì nữa. Đâu phải chỉ có con người mới thế, mà cả vật cũng vậy. Như cúc lấy Đào Uyên Minh[[3]](#_3_1) làm tri kỷ, mai lấy Hòa Tĩnh[[4]](#_4_1) làm tri kỷ, trúc lấy Tử Do[[5]](#_5_1) làm tri kỷ, sen lấy Liêm Khê[[6]](#_6_1) làm tri kỷ, thuần lư lấy Quý Ưng[[7]](#_7_1) làm tri kỷ, chuối lấy Hoài Tố[[8]](#_8_1) làm tri kỷ, dưa lấy Thiệu Bình[[9]](#_9_1) làm tri kỷ, gà lấy Xử Tông[[10]](#_10_1) làm tri kỷ, ngỗng lấy Hữu Quân[[11]](#_11_1) làm tri kỷ, đào lấy những người trốn vua Tần[[12]](#_12_1) làm tri kỷ, hạnh lấy Đổng Phụng[[13]](#_13_1) làm tri kỷ, đá lấy Mễ Điên[[14]](#_14_1) làm tri kỷ, quả vải lấy Thái Chân[[15]](#_15_1) làm tri kỷ, trà lấy Lư Đồng[[16]](#_16_1), Lục Vũ[[17]](#_17_1) làm tri kỷ, cỏ thơm lấy Linh Quân[[18]](#_18_1) làm tri kỷ, trống lấy Nễ Hành[[19]](#_19_1) làm tri kỷ, tỳ bà lấy Minh Phi[[20]](#_20_1) làm tri kỷ, … Một khi đã gắn bó thì ngàn thu không đổi. Còn thông đối với Tần Thủy Hoàng[[21]](#_21_1), hạc đối với Vệ Ý Công[[22]](#_22_1) thì đúng là không có duyên vậy.

天 下 有 一 人 知 己, 可 以 不 恨。不 獨 人 也, 物 亦 有 之。如 菊 以 淵 明 為 知 己; 梅 以 和 靖 為 知 己; 竹 以 子 猷 為 知 己; 蓮 以 濂 溪 為 知 己; 桃 以 避 秦 人 為 知 己; 杏 以 董 奉 為 知 己; 石 以 米 顛 為 知 己; 荔 枝 以 太 真 為 知 己; 茶 以 盧 仝, 陸 羽 為 知 己; 香 草 以 靈 均 為 知 己; 莼 鱸 以 季 鷹 為 知 己; 蕉 以 懷 素 為 知 己; 瓜 以 邵 平 為 知 己; 雞 以 處 宗 為 知 己; 鵝 以 右 軍 為 知 己; 鼓 以 祢 衡為 知 己; 琵 琶 以 明 妃 為 知 己 ... 一 與 之 訂, 千 秋 不 移。若 松 之 於 秦 始; 鶴 之 於 衛 懿; 正 所 謂 不 可 與 作 緣 者 也。

Thiên hạ hữu nhất nhân tri kỷ, khả dĩ bất hận. Bất độc nhân dã, vật diệc hữu chi. Như cúc dĩ Uyên Minh vi tri kỷ; mai dĩ Hòa Tĩnh vi tri kỷ; trúc dĩ Tử Do vi tri kỷ; liên dĩ Liêm Khê vi tri kỷ; đào dĩ tỵ Tần nhân vi tri kỷ; hạnh dĩ Đổng Phụng vi tri kỷ; thạch dĩ Mễ Điên vi tri kỷ; lệ chi dĩ Thái Chân vi tri kỷ; trà dĩ Lô Đồng, Lục Vũ vi tri kỷ; hương thảo dĩ Linh Quân vi tri kỷ; thuần lư dĩ Quý Ưng vi tri kỷ; tiêu dĩ Hoài Tố vi tri kỷ; qua dĩ Thiệu Bình vi tri kỷ; kê dĩ Xử Tông vi tri kỷ; nga dĩ Hữu Quân vi tri kỷ; cổ dĩ Nễ Hoành vi tri kỷ; tỳ bà dĩ Minh Phi vi tri kỷ … nhất dữ chi đính, thiên thu bất di. Nhược tùng chi ư Tần Thủy; hạc chi ư Vệ Ý; chính sở vị bất khả dữ tác duyên giả dã.

5. Vì trăng mà lo mây che, vì sách mà lo mối mọt, vì hoa mà lo gió mưa, vì tài tử giai nhân mà lo mệnh bạc, đó thực là tấm lòng Bồ Tát vậy.

為 月 憂 雲， 為 書 憂 蠹， 為 花 憂 風 雨， 為 才 子 佳 人 憂 命 薄， 真 是 菩 薩 心 腸。

Vị nguyệt ưu vân; vị thư ưu đố; vị hoa ưu phong vũ; vị tài tử giai nhân ưu mệnh bạc; chân thị Bồ Tát tâm trường.

6. Hoa không thể không có bướm, núi không thể không có suối, đá không thể không có rêu, nước không thể không có rong, cây cao không thể không có dây leo, và người ta không thể không say mê yêu thích một thứ gì.

花 不 可 以 無 蝶， 山 不 可 以 無 泉， 石 不 可 以 無 苔， 水 不 可 以 無 藻， 喬 木 不 可 以 無 藤 蘿， 人 不 可 以 無 癖。

Hoa bất khả dĩ vô điệp; sơn bất khả dĩ vô tuyền; thạch bất khả dĩ vô đài; thủy bất khả dĩ vô tảo; kiều mộc bất khả dĩ vô đằng la; nhân bất khả dĩ vô tích.

7. Mùa xuân nghe tiếng chim hót, mùa hè nghe tiếng ve ngâm, mùa thu nghe tiếng côn trùng rả rích, mùa đông nghe tiếng tuyết rơi, ban ngày nghe tiếng đánh cờ, dưới trăng nghe tiếng tiêu réo rắt, trong núi nghe tiếng gió thổi ngàn thông, bên nước nghe tiếng sóng vỗ, mới không sống uổng phí một đời. Còn như nghe tiếng con trẻ hung dữ làm nhục, hay tiếng vợ quá quắt chửi mắng, cứ xem như tai điếc còn hơn.

春 聽 鳥 聲， 夏 聽 蟬 聲， 秋 聽 蟲 聲， 冬 聽 雪 聲 ; 白 晝 聽 棋 聲， 月 下 聽 簫 聲 ; 山 中 聽 松 聲， 水 際 聽 欸 乃 聲， 方 不 虛 生 此 耳。 若 惡 少 斥 辱， 悍 妻 詬 誶， 真 不 若 耳 聾 也。

Xuân thính điểu thanh; hạ thính thiền thanh; thu thính trùng thanh; đông thính tuyết thanh; bạch trú thính kỳ thanh; nguyệt hạ thính tiêu thanh; sơn trung thính tùng phong thanh; thủy tế thính nội nãi thanh; phương bất khư sinh thử nhĩ. Nhược ác thiếu xích nhục, hãn thê cấu tối, chân bất nhược nhĩ lung dã.

8. Tiết Thượng Nguyên nên uống rượu với bạn hào sảng, tiết Đoan Ngọ nên uống rượu với bạn xinh đẹp, tiết Trung Thu nên uống rượu với bạn giản dị, tiết Trùng Cửu nên uống rượu với bạn phóng khoáng.

上 元 須 酌 豪 友， 端 午 須 酌 麗 友， 七 夕 須 酌 友， 中 秋 須 酌 淡 友， 重 九 須 酌 逸 友。

Thượng Nguyên tu chước hào hữu; Đoan Ngọ tu chước lệ hữu; Thất Tịch tu chước vận hữu; Trung Thu tu chước đạm hữu; Trùng Cửu tu chước dật hữu.

9. Cá vàng trong loài có vảy, én tía trong loài có cánh, có thể nói đó là thần tiên trong loài vật, giống như Đông Phương Sóc[[23]](#_23_1) lánh đời, kẻ chốn triều đình không ai làm hại được.

鱗 蟲 中 金 魚， 羽 蟲 中 紫 燕， 可 云 物 類 神 仙。 正 如 東 方 曼 倩 避 世， 金 馬 門 人 不 得 而 害 之。

Lân trùng trung kim ngư; vũ trùng trung tử yến; khả vân vật loại thần tiên, chính như Đông Phương Mạn Thiến tỵ thế kim mã môn, nhân bất đắc nhi hại chi.

10. Nhập thế thì nên học Đông Phương Sóc[[24]](#_24_1), xuất thế thì nên học Phật Ấn Liễu Nguyên[[25]](#_25_1).

入 世， 須 學 東 方 曼 倩 ; 出 世， 須 學 佛 印 了 元。

Nhập thế, tu học Đông Phương Mạn Thiến; xuất thế, tu học Phật Ấn Liễu Nguyên.

11. Thưởng hoa nên ngồi với giai nhân, uống rượu ngắm trăng nên ngồi với người phong vận, thưởng tuyết nên ngồi với người cao nhã.

賞 花 宜 對 佳 人， 醉 月 宜 對 韻 人， 映 雪 宜 對 高 人。

Thưởng hoa nghi đối giai nhân; túy nguyệt nghi đối vận nhân; ánh tuyết nghi đối cao nhân.

12. Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ, nói chuyện với bạn phong nhã như đọc văn thơ của danh nhân, nói chuyện với bạn nghiêm cẩn như đọc kinh truyện của thánh hiền, nó chuyện với bạn hoạt kê như đọc tiểu thuyết truyền kỳ.

對 淵 博 友， 如 讀 異 書 ; 對 風 雅 友， 如 讀 名 人 詩 文 ; 對 謹 飭 友， 如 讀 聖 賢 經 傳 ; 對 滑 稽 友， 如 閱 傳 奇 小 說。

Đối uyên bác hữu, như độc dị thư; đối phong nhã hữu, như độc danh nhân thi văn; đối cẩn sức hữu, như độc thánh hiền kinh truyện; đối hoạt kê hữu, như duyệt truyền kỳ tiểu thuyết.

13. Khải thư nên viết như văn nhân, thảo thư nên viết như danh tướng. Hành thư ở vào khoảng giữa hai loại đó, như Dương Thúc Tử mang đai chùng, mặc áo cừu mỏng[[26]](#_26_1), chính đó là vẻ đẹp.

楷 書 須 如 文 人， 草 書 須 如 名 將， 行 書 介 乎 二 者 之 間。 如 羊 叔 子 緩 帶 輕 裘， 正 是 佳 處。

Khải thư tu như văn nhân; thảo thư tu như danh tương. Hành thư giới hồ nhị giả chi gian, như Dương Thúc Tử hoãn đới khinh cừu, chính thị giai xứ.

14. Làm người nên cầu được vào thơ, làm vật nên cầu được vào tranh vẽ.

人 須 求 可 入 詩，物 須 求 可 入 畫。

Nhân tu cầu khả nhập thi; vật tu cầu khả nhập họa.

15. Kẻ thiếu niên nên có kiến thức của bậc lão thành, mà bậc lão thành nên có hoài bão của kẻ thiếu niên.

少 年 人 須 有 老 成 之 識 見， 老 成 人 須 有 少 年 之 襟 懷。

Thiếu niên nhân tu hữu lão thành chi thức kiến; lão thành nhân tu hữu thiếu niên chi khâm hoài.

16. Xuân là tấm lòng vốn có của tự nhiên, thu là tiết điệu khác của tự nhiên[[27]](#_27_1).

春 者 天 之 本 懷， 秋 者 天 之 別 調。

Xuân giả thiên chi bản hoài, thu giả thiên chi biệt điệu.

17. Người xưa nói: "Nếu không có trăng, hoa và mỹ nhân thì chẳng muốn sinh ra ở thế giới này". Tôi xin thêm một câu:"Nếu không bút, mực, cờ, rượu thì cũng không nên làm thân người nữa".

昔 人 云 ： 「 若 無 花 月 美 人， 不 願 生 此 世 界。 」 予 益 一 語 云 ： 「 若 無 翰 墨 棋 酒， 不 必 定 作 人 身。」

Tích nhân vân :"Nhược vô hoa, nguyệt, mỹ nhân, bất nguyện sinh thử thế giới". Dư ích nhất ngữ vân: "Nhược vô hàn, mặc, kỳ, tửu, bất tất định tác nhân thân".

18. Nguyện được làm cây sư trong loài cây, nguyện được làm cỏ thi trong loài cỏ, nguyện được làm chim âu trong loài chim, nguyện được làm hươu nai trong loài thú, nguyện được làm con bướm trong loài sâu, nguyện được làm cá côn trong loài cá[[28]](#_28_1).

願 在 木 而 為 樗， 願 在 草 而 為 蓍， 願 在 鳥 而 為 鷗， 願 在 獸 而 為 廌， 願 在 蟲 而 為 蝶， 願 在 魚 而 為 鯤。

Nguyện tác mộc nhi vi sư; nguyện tại thảo nhi vi thi; nguyện tại điểu nhi vi âu; nguyện tại thú nhi vi lộc; nguyện tại trùng nhi vi điệp; nguyện tại ngư nhi vi côn.

19. Hoàng Cửu Yên tiên sinh bảo :"Xưa nay làm người tất phải có lứa đôi. Từ ngàn xưa không có lứa đôi, có lẽ chỉ có Bàn Cổ chăng?". Tôi nói :"Bàn Cổ chưa hẳn là không có lứa đôi, chỉ có điều bọn chúng ta không kịp nhìn thấy đó thôi. Ai là người không có lứa đôi? Đó là người cuối cùng còn sống sót sau kỳ tận thế!".

黃九 煙 先 生 云 ： 「 古 今 人 必 有 其 偶 雙。 千 古 而 無 偶 者， 其 惟 盤 古 乎 ？ 」 予 謂 ： 「 盤 古 亦未 嘗 無 偶， 但 我 輩 不 及 見 耳。 其 人 為 誰 ？ 即 此 劫 盡 時 最 後 一 人 是 也。」

Hoàng Cửu Yên tiên sinh vân :"Cổ kim nhân ất hưu kỳ ngẫu song. Thiên cổ nhi vô ngẫu giả, kỳ duy Bàn Cổ hồ?". Dư vị :"Bàn Cổ diệc vị thường vô ngẫu,đán ngô bối bất cập kiến nhĩ. Kỳ nhân vi thùy? Tức thử kiếp tận thời tối hậu nhất nhân thị dã".

20. Cổ nhân cho mùa đông là ba tháng dư, tôi bảo nên cho ba tháng mùa hè là dư mới phải: sáng dậy sớm là cái dư của đêm, tối ngồi chơi là cái dư của ngày, ngủ trưa là cái dư của sự thù ứng xã giao. Thơ người xưa có nói "Ta yêu ngày hè dài", lời nói quả không sai.

古 人 以 冬 為 三 餘。 予 謂 當 以 夏 為 三 餘 ： 晨 起 者， 夜 之 餘 ; 夜 坐 者， 晝 之 餘 ; 午 睡 者， 應 酬 人 事 之 餘。 古 人 詩 曰 ： 「 我 愛 夏 日 長 」， 洵 不 誣 也。

Cổ nhân dĩ đông vi tam dư. Dư vị đương dĩ hạ vi tam dư : Thần khởi giả, dạ chi dư; dạ tọa giả, trú chi dư; ngọ thụy giả, ứng thù nhân sự chi dư. Cổ nhân thi vân "Ngã ái hạ nhật trường". Tuân bất vu dã.

21. Trang Chu mộng thấy mình hóa thành bướm[[29]](#_29_1), đó là cái may mắn của Trang Chu; bướm nếu mộng thấy mình hóa thành Trang Chu, thì đó là cái bất hạnh của bướm.

莊 周 夢 為 蝴 蝶， 莊 周 之 幸 也 ; 蝴 蝶 夢 為 莊 周， 蝴 蝶 之 不 幸 也。

Trang Chu mộng vi hồ điệp, Trang Chu chi hạnh dã; hồ điệp mộng vi Trang Chu, hồ điệp chi bất hạnh dã.

22. Gầy hoa để gọi bướm, chất đá để mời mây, trồng thông để đón gió, chứa nước để mời bèo; xây đài cao để đón trăng, trồng chuối để đón mưa, trồng liễu để gọi ve.

藝 花 可 以 邀 蝶， 纍 石 可 以 邀 雲， 栽 松 可 以 邀 風， 貯 水 可 以 邀 萍， 築 臺 可 以 邀 月， 種 蕉 可 以 邀 雨， 植 柳 可 以 邀 蟬。

Nghệ hoa khả dĩ khiêu điệp; lũy thạch khả dĩ khiêu vân; tài tùng khả dĩ khiêu phong; trữ thủy khả dĩ khiêu bình; trúc đài khả dĩ khiêu nguyệt; chủng tiêu khả dĩ khiêu vũ; trí liễu khả dĩ khiêu thiền.

23. Có cảnh nói ra thì cực kỳ u tĩnh, nhưng thực ra rất tiêu điều, đó là cảnh khói mưa; có cảnh nói ra thì cực kỳ thanh nhã, nhưng thực ra rất khó chịu, đó là cảnh ốm đau bệnh tật; có cảnh nói ra thì cực kỳ phong vận, nhưng thực ra rất thô bỉ, đó là tiếng rao bán hoa.

景 有 言 之 極 幽， 而 實 蕭 索 者， 煙 雨 也 ; 境 有 言 之 極 雅， 而 實 難 堪 者， 貧 病 也 ; 聲 有 言 之 極 韻， 而 實 粗 鄙 者， 賣 花 聲 也。

Cảnh hữu ngôn chi cực u, nhi thực tiêu sái giả, yên vũ dã; cảnh hữu ngôn chi cực nhã, nhi thực nan kham giả, bần bệnh dã; thanh hữu ngôn chi cực vận, nhi thực thô bỉ giả, mại hoa thanh dã.

24. Tài tử mà được phú quý, nhất định phải do phúc huệ song tu mới có được.

才 子 而 富 貴，定 從 福 慧 雙 修 得 來。

Tài tử nhi phú quý, định tòng phúc huệ song tu đắc lai.

25. Trăng non hận về nỗi mau lặn mà trăng khuyết lại hận về nỗi lâu lên.

新 月 恨 其 易 沈， 缺 月 恨 其 遲 上。

Tân nguyệt hận kỳ dị trầm, khuyết nguyệt hận kỳ trì thượng.

26. Cày cấy ta không làm được, thôi thì học tưới vườn cho xong; đốn củi ta không làm được, thôi thì học làm cỏ cho xong.

躬 耕， 吾 所 不 能， 學 灌 園 而 已 矣 ; 樵 薪， 吾 所 不 能， 學 薙 草 而 已 矣。

Cung canh ngô sở bất năng, học quán viên nhi dĩ hỹ; tiều tân ngô sở bất năng, học thế thảo nhi dĩ hỹ.

27. Một là hận sách dễ bị mối mọt, hai là hận đêm hè có muỗi, ba là hận đài ngắm trăng dễ bị thấm nước, bốn là hận lá cúc hay héo, năm là hận thông có nhiều kiến lớn, sáu là hận trúc hay rụng lá, bảy là hận quế và sen dễ tàn, tám là hận trong cỏ tiết thường có rắn, chín là hận hoa trên mắt cáo có gai, mười là hận cá nóc có độc.

一恨 書 囊 易 蛀， 二 恨 夏 夜 有 蚊， 三 恨 月 臺 易 漏， 四 恨 菊 葉 多 焦， 五 恨 松 多 大 蟻， 六 恨 竹 多落 葉， 七 恨 桂 、 荷 易 謝， 八 恨 薜、 蘿 藏 虺， 九 恨 架 花 生 刺， 十 恨 河 豚 多 毒。

Nhất hận thư nang dị chú; nhị hận hạ dạ hữu văn; tam hận nguyệt đài dị lậu; tứ hận cúc diệp đa tiêu; ngũ hận tùng đa đại nghĩ; lục hận trúc đa lạc diệp; thất hận quế hạ dị tạ; bát hận tiết la tàng xà; cửu hận giá hoa sinh thích; thập hận hà đồn hữu độc.

28. Đứng trên lầu ngắm núi, đứng đầu thành ngắm tuyết, ngồi trước đèn ngắm hoa, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều, dưới trăng ngắm mỹ nhân, mỗi cảnh đều có tình riêng.

樓 上 看 山， 城 頭 看 雪， 燈 前 看 月， 舟 中 看 霞， 月 下 看 美 人， 另 是 一 番 情 境。

Lâu thượng khán sơn, thành đầu khán tuyết, đăng tiền khán hoa, chu trung khán hà, nguyệt hạ khán mỹ nhân, lánh thị nhất phiên tình cảnh.

29. Ánh nắng của núi, tiếng chảy của nước, màu sắc của trăng, hương thơm của hoa, vẻ nho nhã của văn nhân, dáng yêu kiều của mỹ nhân đều là những thứ không thể dùng tên gọi mà hình dung ra được, không thể nào nắm bắt được, quả đủ để làm ngơ ngẩn mộng hồn, đảo điên thần tứ!

山 之 光， 水 之 聲， 月 之 色， 花 之 香， 文 人 之 韻 致， 美 人 之 姿 態， 皆 無 可 名 狀， 無 可 執 著。 真 足 以 攝 召 魂 夢， 顛 倒 情 思。

Sơn chi quang, thủy chi thanh, nguyệt chi sắc, hoa chi hương, văn nhân chi vận trí, mỹ nhân chi tư thái, giai vô khả danh trạng, vô khả chấp trước. Chân túc dĩ nhiếp chiêu hồn mộng, điên đảo tình tứ!

30. Giá như có thể làm chủ được giấc mộng thì dù chốn xa ngàn dặm cũng có thể đến không khó khăn gì, mà không cần đến gậy rút đất của Trường Phòng[[30]](#_30_1); có thể gặp gỡ người đã khuất, mà không cần đến thuật chiêu hồn của Thiếu Quân[[31]](#_31_1); có thể rong chơi Ngũ nhạc mà không cần chờ đến khi chuyện gia đình ổn định.

假 使 夢 能 自 主， 雖 千 里 無 難 命 駕， 可 不 羨 長 房 之 縮 地 ; 死 者 可 以 晤 對， 可 不 需 少 君 之 招 魂 ; 五 嶽 可 以 臥 遊， 可 不 俟 婚 嫁 之 盡 畢。

Giả sử mộng năng tự chủ, tuy thiên lý vô nan mệnh giá, khả bất tiển Trường Phòng chi súc địa; tử giả khả dĩ ngộ đối, khả bất nhu Thiếu Quân chi chiêu hồn; ngũ nhạc khả dĩ ngọa du, khả bất sĩ hôn giá chi tận tất.

31. Chiêu Quân do cuộc hòa thân mà được nổi tiếng, Lưu Phần[[32]](#_32_1) vì đi thi hỏng mà được lưu truyền, có thể cho đó là điều bất hạnh, nhưng không thể xem là chuyện thiệt thòi được.

昭 君 以 和 親 而 顯， 劉 蕡 以 下 第 而 傳 ; 可 謂 之 不 幸， 不 可 為 之 缺 陷。

Chiêu Quân dĩ hòa thân nhi hiển, Lưu Phần dĩ hạ đệ nhi truyền; khả vị chi bất hạnh, bất khả vi chi khuyết hãm.

32. Lấy lòng yêu hoa mà yêu người đẹp, tất cảm nhận được cái thú vị dạt dào; lấy lòng yêu người đẹp mà yêu hoa, tất trong cái thâm tình còn tăng thêm lòng chở che mến tiếc.

以 愛 花 之 心 愛 美 人， 則 領 略 自 饒 別 趣 ; 以 愛 美 人 之 心 愛 花， 則 護 惜 倍 有 深 情。

Dĩ ái hoa chi tâm ái mỹ nhân, tắc lĩnh lược tự nhiêu biệt xúc; dĩ ái mỹ nhân chi tâm ái hoa, tắc hộ tích bội hữu thâm tình.

33. Mỹ nhân hơn hoa ở chỗ biết nói, hoa hơn mỹ nhân ở điểm tỏa hương. Nếu không thể chọn được cả hai thì bỏ cái tỏa hương mà chọn cái biết nói vậy.

美 人 之 勝 於 花 者， 解 語 也 ; 花 之 勝 於 美 人 者， 生 香 也。 二 者 不 可 得 兼， 舍 生 香 而 解 語 者 也。

Mỹ nhân chi thắng ư hoa giả, giải ngữ dã; hoa chi thắng ư mỹ nhân giả, sinh hương dã. Nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh hương nhi thủ giải ngữ giả dã.

34. Người ở bên trong song cửa viết chữ lên song cửa, ta đứng ở ngoài nhìn, cảnh ấy cực đẹp.

窗 內 人 於 窗 紙 上 作 字， 吾 於 窗 外 觀 之， 極 佳。

Song nội nhân ư chỉ song thượng tác tự, ngô ư song ngoại quán chi, cực giai.

35. Thiếu niên đọc sách như nhòm trăng qua khe hở, trung niên đọc sách như đứng giữa sân ngắm trăng, lão niên đọc sách như lên đài cao thưởng trăng, đều do kinh nghiệm lịch duyệt nông sâu khác nhau mà sở đắc cũng nông sâu khác nhau.

少 年 讀 書， 如 隙 中 窺 月 ; 中 年 讀 書， 如 庭 中 望 月 ; 老 年 讀 書， 如 臺 上 玩 月。 皆 以 閱 歷 之 淺 深， 為 所 得 之 淺 深 耳。

Thiếu niên độc thư như khích trung khuy nguyệt; trung niên độc thư như đình trung vọng nguyệt; lão niên độc thư như đài thượng ngoạn nguyệt; giai dĩ duyệt lịch chi thiển thâm, vi sở đắc chi thiển thâm nhĩ.

36. Tôi muốn gởi thư cho Thần Mưa mà nói rằng: mùa xuân nên cho mưa ở sau tiết Thượng Nguyên[[33]](#_33_1), mưa trong vòng mười ngày trước tiết Thanh Minh[[34]](#_34_1), rồi mưa cho đến tiết Cốc Vũ[[35]](#_35_1); mùa hè nên cho mưa trước ngày thượng huyền và sau ngày hạ huyền[[36]](#_36_1); mùa thu nên cho mưa trong vòng hai tuần trước và sau giai đoạn mạnh thu[[37]](#_37_1); còn ba tháng mùa đông bất tất phải mưa nữa.

吾欲 致 書 雨 師 ： 春 雨， 宜 始 於 上 元 g 節 g 後， 至 清 明 十 日 前 之 內， 及 穀 雨 節 中 ; 夏 雨， 宜于 每 月 上 弦 之 前， 及 下 弦 之 後 ; 秋 雨， 宜 于 孟 秋 、 季 秋 之 上 下 二 旬 ; 至 若 三 冬，正 可 不必 雨 也。

Ngô dục trí thư vũ sư : xuân vũ, nghi thủy ư Thượng Nguyên tiết hậu, chí Thanh Minh thập nhật tiền chi nội, cập Cốc Vũ tiết trung; hạ vũ, nghi ư mỗi nguyệt thượng huyền chi tiền, cập hạ huyền chi hậu; thu vũ, nghi ư mạnh thu chi thượng hạ nhị tuần; chí nhược tam đông, chính khả bất tất vũ dã.

37. Giàu mà ô trọc không bằng nghèo mà thanh cao, sống mà khổ sở không bằng chết mà sung sướng.

為 濁 富 不 若 為 清 貧 ; 以 憂 生 不 若 以 樂 死。

Vi trọc phú bất nhược vi thanh bần, dĩ ưu sinh bất nhược dĩ lạc tử.

38. Trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là có phúc nhất : lúc còn sống không một xu dính túi, nhưng sau khi chết mỗi khi cúng thì đều có tiền giấy; trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là được coi trọng nhất : lúc còn sống có thể bị khinh bỉ làm nhục, nhưng sau khi chết lại có lắm người quỳ lạy lễ bái.

天 下 唯 鬼 最 富 ： 生 前 囊 無 一 文， 死 後 每 饒 楮 鏹 ; 天 下 唯 鬼 最 尊， 生 前 或 受 欺 凌，死 後 必 多 跪 拜。

Thiên hạ duy quỷ tối phúc, sinh tiền nang vô nhất văn, tử hậu mỗi nhiêu chử cường; thiên hạ duy quỷ tối tôn, sinh tiền hoặc thụ khi lăng, tử hậu tất đa quỵ bái.

39. Bướm là hóa thân của tài tử, hoa là biệt hiệu của mỹ nhân.

蝶 為 才 子 之 化 身， 花 乃 美 人 之 別 號。

Điệp vi tài tử chi hóa thân, hoa nãi mỹ nhân chi biệt hiệu.

40. Nhân tuyết mà nhớ tới cao sĩ, nhân hoa mà nhớ tới mỹ nhân, nhân rượu mà nhớ tới hiệp khách, nhân trăng mà nhớ tới bạn hiền, nhân sơn thủy mà nhớ tới thơ văn đắc ý.

因 雪 想 高 士， 因 花 想 美 人， 因 酒 想 h 俠 h 客， 因 月 想 好 友， 因 山 水 想 得 意 詩 文。

Nhân tuyết tưởng cao sĩ; nhân hoa tưởng mỹ nhân; nhân tửu tưởng hiệp khách; nhân nguyệt tưởng hảo hữu; nhân sơn thủy tưởng đắc ý thi văn.

41. Nghe tiếng ngỗng kêu mà ngỡ ở Bạch Môn[[38]](#_38_1), nghe tiếng chèo ghe mà ngỡ ở Tam Ngô[[39]](#_39_1), nghe tiếng thác chảy mà ngỡ ở Chiết Giang[[40]](#_40_1), nghe tiếng nhạc ngựa mệt mỏi mà ngỡ đang trên đường giữa chốn Trường An[[41]](#_41_1).

聞 鵝 聲， 如 在 白 門 ; 聞 櫓 聲， 如 在 三 吳 ; 聞 灘 聲， 如 在 浙 江 ; 聞 羸 馬 項 下 鈴 鐸 聲， 如 在 長 安 道 上。

Văn nga thanh như tại Bạch Môn; văn lỗ thanh như tại Tam Ngô; văn than thanh như tại Triết Giang; văn luy mã hạng hạ linh đạc thanh, như tại Trường An đạo thượng.

42. Tiết trong năm thì Thượng Nguyên là nhất, kế đến là Trung Thu, rồi mới đến Đoan Ngọ và Trùng Cửu.

一 歲 諸 節， 以 上 元 為 第 一， 中 秋 次 之， 五 日 、 九 日 又 次 之。

Nhất tuế chi tiết, dĩ Thượng Nguyên vi đệ nhất, Trung Thu thứ chi, Ngũ nhật, Cửu nhật hựu thứ chi.

43. Mưa là thứ có thể làm cho ngày ngắn lại, đêm dài ra.

雨 之 為 物， 能 令 晝 短， 能 令 夜 長。

Vũ chi vi vật, năng linh trú đoản, năng linh dạ trường.

44. Những môn ngày xưa không còn truyền đến nay : thổi tiêu, kiếm thuật, đánh cờ và đá cầu.

古 之 不 傳 於 今 者， 嘯 也,、 劍 術 也, 彈 棋 也,、 打 球 也。

Cổ chi bất truyền ư kim giả, tiêu dã, kiếm thuật dã, đàn kỳ dã, đả cầu dã.

45. Thầy tu mà làm thơ, nhiều khi có, đạo sĩ mà biết làm thơ là điều hiếm thấy, vì sao nhỉ?

詩 僧 時 復 有 之， 若 道 士 之 能 詩， 不 啻 空 谷 足 音， 何 也 ？

Thi tăng thời phục hữu chi, nhược đạo sĩ chi năng thi giả, bất xí không cốc tú âm, hà dã?

46. Nên làm cỏ huyên trong loài hoa chứ không làm đổ quyên trong loài chim[[42]](#_42_1).

當 為 花 中 之 萱 草， 毋 為 鳥 中 之 杜 鵑。

Đương vi hoa trung chi huyên thảo, vô vi điểu trung chi đỗ quyên.

47. Con gái từ tuổi mười bốn đến hai mươi bốn, trong khoảng ấy, bất kể là Yên, Tần, Ngô, Việt, phần lớn giọng nói đều ngọt ngào yểu điệu làm cảm động được lòng người. Mới gặp mặt mà lòng yêu ghét đã phân rõ ràng. Tai nghe không bằng mắt thấy, càng tin thêm điều này.

女 子 自 十 四 、 五 歲， 至 二 十 四 、 五 n g 歲， 此 十 年 中， 無 論 燕 、 秦 、 吳 、 越， 其 音 大 都 嬌 媚 動 人 ; 一 賭 其 貌， 則 美 惡 判 然 矣。 耳 聞 不 如 目 見，於 此 益 信。

Nữ tử tự thập tứ ngũ tuế chí nhị thập tứ ngũ tuế, thử thập niên trung, vô luận Yên, Tần, Ngô, Việt, kỳ âm đại đô kiều mị động nhân. Nhất đỗ kỳ mạo, tắc mỹ ố phán nhiên hỹ. Nhĩ văn bất như mục kiến, ư thử ích tín.

48. Tìm cảnh an lạc thì nên học tiên, lánh chốn khổ đau thì nên học Phật. Phật gia có”thế giới Cực lạc”, là nói đến chỗ mà mọi khổ não đều không đến được.

尋 樂 境 乃 學 仙， 避 苦 趣 乃 學 佛。 佛 家 所 謂 「 極 樂 世 界 」 者， 蓋 謂 眾 苦 之 所 不 到 也。

Tầm lạc cảnh nãi học Tiên, tỵ khổ xúc nãi học Phật. Phật gia sở vị ”Cực lạc thế giới” giả, cái vị chúng khổ chi sở bất đáo dã.

49. Giàu sang mà vất vả, không bằng nghèo hèn mà thanh nhàn; nghèo hèn mà kiêu ngạo, không bằng giàu sang mà khiêm cung.

富 貴 而 勞 悴， 不 若 安 閒 之 貧 賤 ; 貧 賤 而 驕 傲， 不 若 謙 恭 之 富 貴。

Phú quý nhi lao tụy, bất nhược an nhàn chi bần tiện; bần tiện nhi kiêu ngạo, bất nhược khiêm cung chi phú quý.

50. Mắt không tự thấy, mũi không tự ngửi, lưỡi không tự nếm, tay không tự sờ, chỉ có tai tự nghe được tiếng mình.

目 不 能 自 見， 鼻 不 能 自 嗅， 舌 不 能 自 舐， 手 不 能 自 握， 惟 耳 能 自 聞 其 聲。

Mục bất năng tự kiến, tỵ bất năng tự khứu, thiệt bất năng tự thỉ, thủ bất năng tự ác, duy nhĩ năng tự văn kỳ thanh.

51. Âm thanh nên nghe từ xa, riêng tiếng đàn cầm nghe xa gần đều được.

凡 聲 皆 宜 遠 聽， 惟 聽 琴 則 遠 近 皆 宜。

Phàm thanh giai nghi viễn thính, duy thính cầm viễn cận giai nghi.

52. Mắt không đọc được chữ, còn buồn hơn cả bị mù; tay không cầm được bút, còn khổ hơn cả bị câm.

目 不 能 識 字， 其 悶 尤 過 於 盲 ; 手 不 能 執 管， 其 苦 更 甚 於 啞。

Mục bất năng thức tự, kỳ muộn vưu quá ư manh; thủ bất năng chấp quản, kỳ khổ cánh thậm ư á.

53. Chụm đầu họa thơ, bá cổ luận văn, trong cung ứng chế, đi sứ chư hầu, đó đều là những việc cực khoái trong nhân gian.

並 頭 聯 句 、 交 頸 論 文 、 宮 中 應 制 、 歷 使 屬 國， 皆 極 人 間 樂 事。

Tính đầu liên cú, giao cảnh luận văn, cung trung ứng chế, lịch sứ thuộc quốc, giai cực nhân gian lạc sự.

54. Hoa đẹp đáng để mắt tới, mà còn có hương thơm là : mai, cúc, lan, thủy tiên, chu lan, mộc hương, mai côi, lạp mai; còn các loại hoa khác chỉ có mỗi cái đáng xem mà thôi.

花 之 宜 於 目， 而 復 宜 於 鼻 者 ： 梅 也 、 菊 也 、 蘭 也 、 水 仙 也 、 珠 蘭 也 、 木 香 也 、 玫 瑰 也 、 蠟 梅 也， 餘 則 皆 宜 於 目 者 也。

Hoa chi nghi ư mục, nhi phục nghi ư tỵ giả : mai dã, cúc dã, lan dã, thủy tiên dã, châu lan mộc hương dã, mai côi dã, lạp mai dã; dư tắc giai nghi ư mục giả dã.

55. Hoa và lá đều đáng để ngắm nhìn : trước hết là thu hải đường, kế đó là sen, rồi mới đến hải đường, đồ kiềm, ngu mỹ nhân. Lá đẹp hơn hoa, chỉ có nhạn lai hồng, mỹ nhân tiêu mà thôi. Hoa và lá đều chẳng đáng xem: đó là tử vi và tân di.

花與 葉 俱 可 觀 者 ： 秋 海 棠 為 最， 荷 次 之， 海 棠 、 酴 醾 、 虞 美 人 、 水 仙 又 次 之。 葉 勝 於 花者， 止 雁 來 紅 、 美 人 蕉 而 已。 花 與 葉 俱 不 足 觀 者 ： 紫 薇 也 、 辛 夷 也。

Hoa dữ diệp câu khả quán giả, thu hải đường vi tối; hà thứ chi; hải đường, đồ kiềm, ngu mỹ nhân, thủy tiên, hựu thứ chi. Diệp thắng ư hoa giả, chỉ nhạn lai hồng, mỹ nhân tiêu nhi dĩ. Hoa dữ diệp câu bất túc quán giả : tử vi dã, tân di dã.

56. Kẻ có lời nói cao kỳ chốn núi rừng thì không thể khéo bàn chuyện phố thị được; lấy đó mà xét thì các loại sách như ”Sử ký” và ”Hán Thư” đều nên bỏ đi đừng đọc, vì chúng cũng chỉ bàn đến chuyện phố thị thời xưa.

高 語 山 林 者， 輒 不 善 談 市 朝 事。 審 若 此， 則 當 並 廢 《 史 》 、 《 漢 》 諸 書 而 不 讀 矣。 蓋 諸 書 所 載 者， 皆 古 之 市 朝 也。

Cao ngữ sơn lâm giả, triếp bất hỷ đàm thị triều sự. Thẩm nhược thử, tắc đương tính phế ”Sử” “Hán” chư thư nhi bất độc hỹ. Cái chư thư sở tải giả, giai cổ chi thị triều dã.

57. Mây là vật biến hóa : hoặc cao chót vót như núi, hoặc mênh mông như nước, hoặc giống như người như thú, hoặc gióng như lông chim vảy cá. Cho nên mọi thứ trong thiên hạ đều có thể vẽ được, duy mây thì không. Cái gọi là vẽ mây, chỉ là cách nói gượng mà thôi.

雲 之 為 物 ： 或 崔 巍 如 山， 或 瀲 灩 如 水， 或 如 人， 或 如 獸， 或 如 鳥 毳， 或 如 魚 鱗。 故 天 下 萬 物 皆 可 入 畫， 惟 雲 不 能 畫。 世 所 畫 雲， 亦 強 名 耳。

Vân chi vi vật, hoặc thôi nguy như sơn; hoặc liễm diễm như thủy; hoặc như nhân; hoặc như thú; hoặc như điểu thúy; hoặc như ngư lân; cố thiên hạ vạn vật giai khả họa, duy vân bất năng họa, thế sở họa vân diệc cưỡng danh nhĩ.

58. Sống ở thời thái bình, sinh ra ở chốn hồ núi, quan địa phương thanh liêm, gia đình êm ấm, con cái thông minh, đời người được như thế có thể gọi là toàn phúc.

值 太 平 世， 生 湖 山 郡， 官 長 廉 靜， 家 道 優 裕， 娶 婦 賢 淑， 生 子 聰 慧。 人 生 如 此， 可 云 全 福。

Trị thái bình thế, sinh hồ sơn quận, quan trường liêm tĩnh, gia đạo ưu dụ, thú phụ hiền thục, sinh tử thông tuệ. Nhân sinh như thử, khả vân toàn phúc.

59. Nuôi hoa trong bình, thì các vẻ cao thấp nhỏ lớn của bình nên cùng hoa tương xứng, nhưng màu sắc đậm nhạt thì nên cùng hoa tương phản.

養 花 膽 瓶， 其 式 之 高 低 大 小， 須 與 花 相 稱。 而 色 之 淺 深 濃 淡， 又 須 與 花 相 反。

Dưỡng hoa đảm bình, kỳ thức chi cao đê đại tiểu, tu dữ hoa tương xứng. Nhi sắc chi thiển thâm nùng đạm, hựu tu dữ hoa tương phản.

60. Mưa xuân như chiếu vua ban ân huệ, mưa hè như chiếu vua xá tội, mưa thu như lời hát điếu người chết.

春 雨 如 恩 詔， 夏 雨 如 赦 書， 秋 雨 如 輓 歌。

Xuân vũ như ân chiếu, hạ vũ như xá thư, thu vũ như vãn ca.

61. Mười tuổi làm thần đồng, hai mươi ba mươi làm tài tử, năm mươi làm danh thần, sáu mươi làm thần tiên, có thể nói đó là người hoàn toàn vậy.

十 歲 為 神 童， 二 十 、 三 十 為 才 子， 四 十 、 五 十 為 名 臣， 六 十 為 神 仙， 可 謂 全 人 矣。

Thập tuế vi thần đồng, nhị thập tam thập vi tài tử, tứ thập ngũ thập vi danh thần, lục thập vi thần tiên, khả vị toàn nhân hỹ.

62. Người học võ không đánh bừa, đó là văn trong võ; người viết văn không cố chấp, đó là võ trong văn.

武 人 不 苟 戰， 是 為 武 中 之 文 ; 文 人 不 迂 腐， 是 為 文 中 之 武。

Võ nhân bất cẩu chiến, thị vi võ trung chi văn; văn nhân bất vu hủ, thị vi văn trung chi võ.

63. Văn nhân giảng chuyện quân, phần lớn là nói suông, võ tướng luận văn chương, quá nửa là nghe lõm.

文 人 講 武 事， 大 都 紙 上 談 兵 ; 武 將 論 文 章， 半 屬 道 聽 途 說。

Văn nhân giảng võ sự, đại đô chỉ thượng đàm binh; võ tướng luận văn chương, bán thuộc đạo thính đồ thuyết.

64. Các bức thư pháp treo tường cần phải có ba thứ : thơ văn phải hay, đề mục phải mới, hình thức phải tinh kỳ.

「斗方」止三種可取：佳詩文，一也; 新 題 目， 二 也 ; 精 款 式， 三 也。

“Đấu phương” chỉ tam chủng khả thủ : giai thi văn, nhất dã, tân đề mục, nhị dã, tinh khoản thức, tam dã.

65. Tình phải gần đến mức si mê thì mới chân thực, tài phải gồm cả niềm hứng thú thì mới biến hóa.

情 必 近 於 癡 而 始 真 ; 才 必 兼 乎 趣 而 始 化。

Tình tất cận ư si nhi thủy chân, tài tất kiêm hồ xúc nhi thủy hóa.

66. Phàm hoa đẹp thì phần lớn hương không ngào ngạt, cánh ngàn tầng thì không kết trái. Được hoàn toàn thực khó thay! Kiêm được cả hai, chỉ có sen chăng?

凡 花 色 之 嬌 媚 者， 多 不 甚 香 ; 瓣 之 千 層 者， 多 不 結 實 ; 甚 矣 全 才 之 難 也。 兼 之 者，其 惟 蓮 乎？

Phàm hoa sắc chi kiều mị giả, đa bất thậm hương, biện chi thiên tằng giả, đa bất kết thực. Thậm hỹ toàn tài chi nan dã. Kiêm chi giả, kỳ duy liên hồ?

67. Viết được một cuốn sách mới, đó là sự nghiệp thiên thu; chú giải được một bộ cổ văn, đó là công lao vạn đại.

著 得 一 部 新 書， 便 是 千 秋 大 業 ; 注 得 一 部 古 書， 允 為 萬 世 宏 功。

Trước đắc nhất bộ tân thư, tiện thị thiên thu đại nghiệp; chú đắc nhất bộ cổ thư, doãn vi vạn thế hoằng công.

68. Mời danh sư về để dạy cho con em, vào chốn danh sơn để luyện cử nghiệp, cầu danh sĩ để làm bài hộ, cả ba điều đó đều là việc sai lầm.

延 名 師 訓 子 弟， 入 名 山 習 舉 業， 丐 名 士 代 捉 刀， 三 者 都 無 是 處。

Diên danh sư huấn tử đệ, nhập danh sơn tập cử nghiệp, cái danh sĩ đại tróc đao, tam giả đô vô thị xứ.

69. Mây phản chiếu ánh sáng mặt trời mà thành ráng, suối treo vào bờ đá mà thành thác. Cũng là một vật nhưng nương vào vật khác thì tên gọi cũng nhân đó mà khác đi. Đạo bạn bè sở dĩ quý là vì vậy.

雲 映 日 而 成 霞， 泉 挂 岩 而 成 瀑。 所 托 者 異， 而 名 亦 因 之。 此 友 道 之 所 以 可 貴 也。

Vân ánh nhật nhi thành hà, tuyền quải nham nhi thành bộc. Sở thác giả dị, nhi danh diệc nhân chi. Thử hữu đạo chi sở dĩ khả quý dã.

70. Văn chương của đại gia, tôi yêu và hâm mộ, nguyện học theo; văn chương của danh gia, tôi yêu và hâm mộ, nhưng không dám học theo. Học theo đại gia mà không được, kêu bằng khắc ngỗng không thành cũng còn ra dáng vịt trời; còn học theo danh gia mà không được, đó là vẽ cọp không thành, lại biến thành chó.

大家 之 文， 吾 愛 之 慕 之， 吾 願 學 之 ; 名 家 之 文， 吾 愛 之 慕 之， 吾 不 敢 學 之。 學 大 家 而 不 得，所 謂 「 刻 鵠 不 成 尚 類 鶩 」 也， 學 名 家 而 不 得， 則 是 「 畫 虎 不 成 反 類 狗 」 矣。

Đại gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô nguyện học chi; danh gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô bất cảm học chi. Học đại gia nhi bất đắc, sở vị ”khắc cốc bất thành, thượng loại vụ” dã, học danh gia nhi bất đắc, tắc thị ”họa hổ bất thành, phản loại cẩu” hỹ.

71. Nam Bắc Đông Tây đều có vị trí nhất định; còn trước sau phải trái thì không.

南 北 東 西， 一 定 之 位 也 ; 前 後 左 右， 無 定 之 位 也。

Nam Bắc Đông Tây, nhất định chi vị dã, tiền hậu tả hữu, vô định chi vị dã.

72. Tuy không giỏi viết lách, nhưng bút nghiên không thể không sạch; tuy không theo nghề y nhưng những phương thuốc thiết yếu không thể không có, tuy không giỏi đánh cờ nhưng bàn cờ không thể không đầy đủ.

雖 不 善 書， 而 筆 硯 不 可 不 精 ; 雖 不 業 醫， 而 驗 方 不 可 不 存 ; 雖 不 工 弈， 而 楸 枰 不 可 不 備。

Tuy bất thiện thư nhi bút nghiễn bất khả bất tinh, tuy bất nghiệp y nhi nghiệm phương bất khả bất tồn, tuy bất công dịch nhi thu bình bất khả bất bị.

73. Kẻ tiêu dao ngoài đời bất tất phải giới tửu, nhưng phải giới tục; khách quần hồng bất tất phải giỏi văn nhưng phải biết cảm nhận cái hay.

方 外 不 必 戒 酒， 但 須 戒 俗 ; 紅 裙 不 必 通 文， 但 須 得 趣。

Phương ngoại bất tất giới tửu, đãn tu giới tục; hồng quần bất tất thông văn, đãn tu đắc thú.

74. Đá đặt bên gốc mai nên cổ kính, đá đặt dưới gốc thông nên thô, đá đặt bên gốc trúc nên gầy, đá đặt trong bồn nên tinh xảo.

梅 邊 之 石，宜 古 ; 松 下 之 石 ，宜 拙 ; 竹 傍 之 石，宜 瘦 ; 盆 內 之 石，宜 巧。

Mai biên chi thạch nghi cổ, tùng hạ chi thạch nghi chuyết, trúc bạng chi thạch nghi sấu, bồn nội chi thạch nghi xảo.

75. Cần răn mình nên khắt khe như cái khí mùa thu, mà xử thế thì nên như ôn hòa như cái khí mùa xuân.

律 己 宜 帶 秋 氣， 處 事 宜 帶 春 氣。

Luật kỷ nghi đới thu khí, xử thế nghi đới xuân khí.

76. Nếu không muốn nghe lời thúc thuế, thì cần phải sớm nộp thuế tô; nếu muốn nghe sư cụ đàm thiền, thì cần phải thường xuyên bố thí.

厭 催 租 之 敗 意， 亟 宜 早 早 完 糧 ; 喜 老 衲 之 談 禪，難 免 常 常 布 施。

Yếm thôi tô chi bại ý, cức nghi tảo tảo hoàn lương; hỷ lão nạp chi đàm thiền, nan vấn thường thường bố thí.

77. Dưới thông nghe tiếng đàn cầm, dưới trăng nghe tiếng tiêu, bên khe nghe tiếng thác đổ, trong núi nghe tiếng tụng kinh, tai nghe ra mỗi tiếng đều có ý vị riêng.

松 下 聽 琴， 月 下 聽 簫， 澗 邊 聽 瀑 布， 山 中 聽 梵 唄， 覺 耳 中 別 有 不 同。

Tùng hạ thính cầm, nguyệt hạ thính tiêu, giản biên thính bộc bố, sơn trung thính phạn bối, giác nhĩ trung biệt hữu bất đồng.

78. Dưới trăng nghe thiền, thú vị càng man mác; dưới trăng luận kiếm, can đảm càng tăng cao; dưới trăng bàn thơ, phong thái càng u nhã; dưới trăng ngắm mỹ nhân, tình ý càng nồng thắm.

月 下 聽 禪， 旨 趣 益 遠 ; 月 下 說 劍， 肝 膽 益 真 ; 月 下 論 詩， 風 致 益 幽 ; 月 下 對 美 人， 情 意 益 篤。

Nguyệt hạ thích thiền, chỉ thú ích viễn; nguyệt hạ thuyết kiếm, can đảm ích chân; nguyệt hạ luận thi, phong trí ích u; nguyệt hạ đối mỹ nhân, tình ý ích đốc.

79. Có cảnh sơn thủy trên đất, có cảnh sơn thủy trên tranh, có cảnh sơn thủy trong mộng, có cảnh sơn thủy trong lòng. Cảnh sơn thủy trên đất đẹp ở gò hang u tịch, cảnh sơn thủy trên tranh đẹp ở bút mực lâm ly, cảnh sơn thủy trong mộng đẹp ở cảnh tượng biến ảo, cảnh sơn thủy trong lòng đẹp ở vị trí tự nhiên.

有地 上 之 山 水 ， 有 畫 上 之 山 水， 有 夢 中 之 山 水 ， 有 胸 中 之 山 水。 地 上 者， 妙 在 邱 壑 深 邃 ; 畫 上 者 ， 妙 在 筆 墨 淋 漓 ; 夢 中 者 ， 妙 在 景 象 變 幻 ; 胸 中 者 ， 妙 在 位 置 自 如 。

Hữu địa thượng chi sơn thủy, hữu họa thượng chi sơn thủy, hữu mộng trung chi sơn thủy, hữu hung trung chi sơn thủy. Địa thượng giả diệu tại khưu hác thâm thúy, họa thượng giả diệu tại bút mặc lâm ly, mộng trung giả diệu tại cảnh tượng biến ảo, hung trung giả diệu tại vị trí tự như.

80. Tính kế một ngày thì trồng chuối; tính kế một năm thì trồng trúc; tính kế mười năm thì trồng liễu, tính kế trăm năm thì trồng thông.

一 日 之 計 ， 種 蕉 ; 一 歲 之 計， 種 竹 ; 十 年 之 計， 種 柳 ; 百 年 之 計 ， 種 松 。.

Nhất nhật chi kế chủng tiêu, nhất tuế chi kế chủng trúc, thập niên chi kế chủng liễu, bá niên chi kế chủng tùng.

81. Lúc mưa xuân nên đọc sách, lúc mưa hè nên đánh cờ, lúc mưa thu nên kiểm soạn đồ cất giữ, lúc mưa đông nên uống rượu.

春 雨 宜 讀 書 ， 夏 雨 宜 弈 棋 ， 秋 雨 宜 檢 藏 ， 冬 雨 宜 飲 酒 。.

Xuân vũ nghi độc thư, hạ vũ nghi dịch kỳ, thu vũ nghi kiểm tàng, đông vũ nghi ẩm tửu.

82. Thơ văn mà được cái khí mùa thu thì tuyệt, từ khúc được mà cái khí mùa xuân thì diệu.

詩 文 之 體， 得 秋 氣 為 佳 ; 詞 曲 之 體， 得 春 氣 為 佳 。

Thi văn chi thể, đắc thu khí vi giai; từ khúc chi thể, đắc xuân khí vi giai.

83. Bút mực dùng để viết, không cần phải quá tốt, nhưng dùng để viết trên lụa thì không thể không cần bút tốt; sách dùng để đọc, không cần phải quá hoàn bị, nhưng dùng để tra cứu thì không thể không cần sách hoàn bị; cảnh sơn thủy khi du ngoạn không cần phải quá đẹp, nhưng nếu chọn đất làm nhà, không thể không cần đất đẹp.

抄寫 之 筆 墨， 不 必 過 求 其 佳， 若 施 之 縑 素， 則 不 可 不 求 其 佳 ; 誦 讀 之 書 籍， 不 必 過 求 其備， 若 以 供 稽 考， 則 不 可 不 求 其 備 ; 遊 歷 之 山 水， 不 必 過 求 其 妙， 若 因 之 卜 居，則 不 可 不求 其 妙。

Sao tả chi bút mặc, bất tất quá cầu kỳ giai, nhược thi chi kiêm tố, tắc bất khả bất cầu kỳ giai; tụng độc chi thư tịch, bất tất quá cầu kỳ bị, nhược dĩ cung kê khảo, tắc bất khả bất cầu kỳ bị; du lịch chi sơn thủy, bất tất quá cầu kỳ diệu, nhược nhân chi bốc cư, tắc bất khả bất cầu kỳ diệu.

84. Người ta mà không có bậc thánh hiền, làm sao có thể biết hết mọi điều? Biết được một, nhưng lại lo rằng không chỉ có một, mà phải tìm tòi để biết cho được hai, đó là bậc trên; biết được một, nhân người khác nói mới biết thêm được hai, đó là bậc thứ; biết được một, người khác nói tới hai mà chẳng chịu tin, còn kém một bậc; biết được một, nghe người khác nói đến hai lại khó chịu, thì còn kém nữa.

人非 聖 賢， 安 能 無 所 不 知 ？ 祇 知 其 一， 惟 恐 不 止 其 一， 復 求 知 其 二 者， 上 也 ; 止 知 其 一，因 人 言 始 知 有 其 二 者， 次 也 ; 止 知 其 一， 人 言 有 其 二 而 莫 之 信 者， 又 其 次 也 ; 止 知 其一， 惡 人 言 有 其 二 者， 斯 下 之 下矣。

Nhân phi thánh hiền, an năng vô sở bất tri. Chỉ tri kỳ nhất, duy khủng bất chỉ kỳ nhất, phục cầu tri kỳ nhị giả, thượng dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân nhân ngôn, thủy tri hữu kỳ nhị giả, thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân ngôn hữu kỳ nhị nhi mạc chi tín giả, hựu kỳ thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, ố nhân ngôn hữu kỳ nhị giả, tư hạ chi hạ hỹ.

85. Điều sử quan ghi chép, là thế giới thẳng; điều mà quan lại ghi chép là thế giới ngang.

史 官 所 紀 者， 直 世 界 也 ; 職 方 所 載 者， 橫 世 界 也。

Sử quan sở ký giả, trực thế giới dã; chức phương sở tải giả, hoành thế giới dã.

86. Tiên thiên bát quái là để nhìn thẳng, hậu thiên bát quái là để nhìn ngang[[43]](#_43_1).

先 天 八 卦， 豎 看 者 也 ; 後 天 八 卦， 橫 看 者 也。

Tiên thiên bát quái thụ khan giả dã, hậu thiên bát quái hoành khan giả dã.

87. Chứa sách không khó, xem sách mới là khó; xem sách không khó, đọc sách mới là khó; đọc sách không khó, ứng dụng được mới là khó; ứng dụng được cũng không khó, nhớ được mới là khó.

藏 書 不 難，能 看 為 難 ; 看 書 不 難，能 讀 為 難 ; 讀 書 不 難，能 用 為 難 ; 能 用 不 難， 能 記 為 難。

Tàng thư bất nan, năng khán vi nan, khán thư bất nan, năng độc vi nan, độc thư bất nan, năng dụng vi nan, năng dụng bất nan, năng ký vi nan.

88. Tìm tri kỷ nơi bạn bè, dễ; tìm tri kỷ nơi thê thiếp, khó; tìm tri kỷ nơi vua tôi, khó trong cái khó.

求 知 己 於 朋 友， 易 ; 求 知 己 於 妻 妾， 難 ; 求 知 己 於 君 臣， 則 尤 難 之 難。

Cầu tri kỷ ư bằng hữu, dị; cầu tri kỷ ư thê thiếp, nan; cầu tri kỷ ư quân thần, tắc vưu nan chi nan.

89. Thế nào là người tốt? Không làm hại đời là người tốt. Thế là người xấu? Làm hại cho đời là người xấu.

何 謂 善 人 ？ 無 損 於 世 者， 則 謂 之 善 人。 何 謂 惡 人 ？ 有 害 于 世 者， 則 謂 之 惡 人。

Hà vị thiện nhân? Vô tổn ư thế giả, tắc vị chi thiện nhân. Hà vị ác nhân? Hữu hại ư thế giả, tắc vị chi ác nhân.

90. Có công phu đọc sách, đó là phúc; có tiền của giúp người, đó là phúc; có học vấn để viết ra cái thuật của mình, đó là phúc; chuyện thị phi không làm bận đến tai, đó là phúc; có nhiều bạn uyên bác, ngay thẳng, rộng lượng đó là phúc.

有 工 夫 讀 書， 謂 之 福 ; 有 力 量 濟 人， 謂 之 福 ; 有 學 問 著 述， 謂 之 福 ; 無 是 非 到 耳， 謂 之 福 ; 有 多 聞 、 直 、 諒 之 友， 謂 之 福。

Hữu công phu độc thư vị chi phúc, hữu lực lượng tế nhân vị chi phúc, hữu học vấn trước thuật vị chi phúc, vô thị phi đáo nhĩ vị chi phúc, hữu đa văn, trực, lượng chi hữu vị chi phúc.

91. Con người không gì vui cho bằng nhàn. Nhàn đâu phải là không có gì để làm. Có nhàn mới đọc được sách, có nhàn mới du ngoạn được danh lam thắng cảnh, có nhàn mới giao kết được với những bạn có ích, có nhàn mới uống được rượu, có nhàn mới viết được sách. Niềm vui trong thiên hạ, còn có gì lớn hơn nó nữa?

人 莫 樂 於 閒， 非 無 所 事 事 之 謂 也。 閒 則 能 讀 書， 閒 則 能 遊 名 勝， 閒 則 能 交 益 友， 閒 則 能 飲 酒， 閒 則 能 著 書。 天 下 之 樂， 孰 大 於 是？

Nhân mạc lạc ư nhàn, phi vô sở sự sự chi vị dã. Nhàn tắc năng độc thư, nhàn tắc năng du danh thắng, nhàn tắc năng giao ích hữu, nhàn tắc năng ẩm tửu, nhàn tắc năng trước thư. Thiên hạ chi lạc, thục đại ư thị?

92. Văn chương là sơn thủy trên án thư, sơn thủy là văn chương trên mặt đất.

文 章 是 案 頭 之 山 水， 山 水 是 地 上 之 文 章。

Văn chương thị án đầu chi sơn thủy, sơn thủy thị địa thượng chi văn chương.

93. Đọc sách mà sướng nhất ắt đọc sách sử, vì vui ít mà giận nhiều. Ngẫm cho cùng thì chỗ giận cũng chính là chỗ vui vậy.

讀 書 最 樂， 若 讀 史 書， 則 喜 少 怒 多。 究 之， 怒 處 亦 樂 處 也。

Độc thư tối lạc, nhược độc sử thư, tắc hỷ thiểu nộ đa; cứu chi, nộ xứ diệc lạc xứ dã.

94. Nói trước được những điều người khác chưa bàn tới mới là sách lạ, nói được những điều mà vợ con cũng khó nói mới là bạn thân thiết.

發 前 人 未 發 之 論， 方 是 奇 書 ; 言 妻 子 難 言 之 情，乃 為 密 友。

Phát tiền nhân vị phát chi luận, phương thị kỳ thư, ngôn thê tử nan ngôn chi tình, nãi vi mật hữu.

95. Là kẻ sĩ ắt phải có bạn thân. Bạn thân không cần phải là người sống chết có nhau. Đại khái đó là người dù ở cách xa ngàn dặm mà vẫn tin nhau, không bị những lời phù phiếm làm cho dao động; nghe người ta nói xấu về bạn, tức cho đó là lời dèm pha mà thôi; việc đáng làm việc đáng ngưng đều có thể thay bạn mà quyết đoán; hoặc lúc lâm vào cảnh lợi hại, thì giúp đỡ mà không cần để cho bạn biết, và cũng chẳng hề lo bạn có phụ bạc mình không, cứ việc ra sức gánh vác. Được như vậy mới gọi là bạn thân.

一介 之 士， 必 有 密 友， 密 友， 不 必 定 是 刎 頸 之 交。 大 率 雖 千 里 之 遙， 皆 可 相 信， 而 不 為 浮 言所 動 ; 聞 有 謗 之 者， 即 多 方 為 之 辯 析 而 後 已 ; 事 之 宜 行 宜 止 者， 代 為 籌 畫 決 斷 ; 或 事當 利 害 關 頭， 有 所 需 而 後 濟 者， 即 不 必 與 聞， 亦 不 慮 其 負 我 與 否， 竟 為 力 承 其 事。 此 皆所 謂 密 友 也。

Nhất giới chi sĩ, tất hữu mật hữu, mật hữu, bất tất định thị vẫn cảnh chi giao. Đại suất tuy thiên lý chi diêu, giai khả tướng tín, nhi bất vị phù ngôn sở động, văn hữu báng chi giả, tức đa phương vị chi biện tích nhi hậu dĩ, sự chi nghi hành nghi chỉ giả, đại vị trù hoạch quyết đoán, hoặc sự đương lợi hại quan đầu, hữu sở nhu nhi hậu tế giả, tức bất tất dữ văn, diệc bất lự kỳ phụ ngã dữ phủ, cánh vi lực thừa kỳ sự. Thử giai sở vị mật hữu dã.

96. Cảnh phong lưu tự mình thưởng thức, chỉ nên để cho hoa chim theo hầu; lòng thanh thản nào mấy ai hay, đều do cảnh khói mây đem lại.

風 流 自 賞， 只 容 花 鳥 趨 陪 ; 真 率 誰 知？ 合 受 煙 霞 供 養。

Phong lưu tự thưởng, chỉ dung hoa điểu xu bồi. Chân suất thùy tri hợp thụ yên hà cung dưỡng.

97. Muôn sự đều có thể quên, cái khó quên được là thói hám danh; ngàn điều dễ xem nhẹ, thứ không xem nhẹ được là mấy chén rượu nồng.

萬 事 可 忘，難 忘 者 名 心 一 段 ; 千 般 易 淡，未 淡 者 美 酒 三 杯。

Vạn sự khả vong, nan vong giả danh tâm nhất đoàn; thiên ban dị đạm, vị đạm giả mỹ tửu tam bôi.

98. Sen ấu có thể dùng để ăn, vàng đá có thể dùng làm đồ; cả hai cũng có thể dùng để làm quần áo mặc.

芰 荷 可 食，而 亦 可 衣; 金 石 可 器， 而 亦 可 服。

Kỵ hạ khả thực nhi diệc khả y, kim thạch khả khí nhi diệc khả phục.

99. Vừa nghe êm tai lại thấy vừa mắt, đó là đánh đàn cầm, thổi tiêu; nghe êm tai mà thấy không vừa mắt, đó là thổi sênh, thổi quản.

宜 於 耳 復 宜 於 目 者，彈 琴 也，吹 簫 也; 宜 於 耳 不 宜 於 目 者，吹 笙 也，擫 管 也。

Nghi ư nhĩ phục nghi ư mục giả, đàn cầm dã, xuy tiêu dã; nghi ư nhĩ bất nghi ư mục giả, xuy sanh dã, áp quản dã.

100. Ngắm phụ nữ trang điểm buổi sáng, nên đợi lúc phấn son xong.

看 曉 粧 宜 于 傅 粉 之 後。

Khán hiểu trang nghi ư phó phấn chi hậu.

101. Văn chương là gấm vóc có lời, gấm vóc là văn chương không lời, cả hai đều cùng phát xuất từ một nguồn. Đại khái mà bàn luận thì các nơi như Kim Lăng, Vũ Lâm, Cô Tô, nơi nào có sách thì nơi đó có khung cửi dệt.

文 章 是 有 字 句 之 錦 繡， 錦 繡 是 無 字 句 之 文 章， 兩 者 同 出 于 一 原。 姑 即 粗 跡 論 之， 如 金 陵， 如 武 林， 如 姑 蘇， 書 林 之 所 在， 即 機 杼 之 所 在 也。

Văn chương thị hữu tự cú chi cẩm tú, cẩm tú thị vô tự cú chi văn chương, lượng giả đồng xuất vu nhất nguyên. Cô tức thô tích luận chi, như kim lăng, như võ lâm, như cô tô, thư lâm chi sở tại, tức ky trữ chi sở tại dã.

102. Tôi thường gồm các tự thiếp để làm thơ. Chữ không phức tạp mà nhiều thì không gì qua ”Thiên tự văn”, nhưng những chữ mà các nhà thơ thường dùng trước mắt, khổ ở chỗ chưa hoàn bị.

- Các chữ chỉ về thiên văn như: yên (khói), hà (ráng), phong (gió), tuyết (tuyết)

- Các chữ chỉ về địa lý như: giang (sông), sơn (núi), đường (ao), ngạn (bờ)

- Các chữ chỉ về thời tiết như: xuân (mùa xuân) , tiêu (nửa đêm), hiểu (sáng sớm), mộ (chiều tối)

- Các chữ chỉ về nhân vật như: ông (ông già), tăng (thầy tu), ngư (người đánh cá), tiều (người đốn củi)

- Các chữ chỉ về cây cỏ như: hoa (hoa), liễu (cây liễu), đài (rêu), bình (bèo)

- Các chữ chỉ về chim chóc, côn trùng như: phong (ong), điệp (bướm), oanh (chim oanh), yến (chim én)

- Các chữ chỉ về nhà cửa như: đài (nền cao), lan (lan can), hiên (mái hiên), song (cửa sổ)

- Các chữ chỉ về vật dụng như: chu (ghe nhỏ), thuyền (ghe lớn), hồ (cái bình), trượng (gậy chống)

- Các chữ chỉ về nhân sự như: mộng (giấc mộng), ý (ý nghĩ), sầu (buồn), hận (giận, hận)

- Các chữ chỉ về quần áo như: quần (quần), tụ (tay áo), cẩm (gấm), ỷ (lụa)

- Các chữ chỉ về ăn uống như: trà (trà), tương (nước tương), ẩm (uống), chước (rót rượu)

- Các chữ chỉ về thân thể như: mấn (tóc mai), mi (lông mày), vận (phong cách), thái (dáng vẻ)

- Các chữ chỉ về thanh sắc như: hồng (màu hồng), lục (màu xanh), hương (mùi thơm), diễm (đẹp)

- Các chữ chỉ về văn chương như: tao (ly tao), phú (thể phú) đề (đầu đề), ngâm (ngâm nga)

- Các chữ chỉ về số mục như: nhất (một), tam (ba) song (cặp), bán (một nửa)

thì Thiên tự văn đều không có. Thiên tự văn còn thế, huống gì sách khác?

予嘗 集 諸 法 帖 字 為 詩。 字 之 不 複 而 多 者, 莫 善 于 《 千 字 文 》, 然 詩 家 目 前 常 用 之 字, 猶 苦其 未 備。

天 文 之 煙 、 霞 、 風 、 雪。地 理 之 江 、 山 、 塘 、 岸。時 令 之 春 、 宵 、 曉 、 暮。人 物 之 翁 、 僧 、 漁 、 樵。花 木 之 花 、 柳 、 苔 、 萍。鳥 獸 之 蜂 、 蝶 、 鶯 、 燕。宮 室 之 臺 、 欄 、 軒 、 窗。器 用 之 舟 、 船 、 壺 、 杖。人 事 之 夢 、 憶 、 愁 、 恨。衣 服 之 裙 、 袖 、 錦 、 綺。飲 食 之 茶 、 漿 、 飲 、 酌。身 體 之 鬚 、 眉 、 韻 、 態。聲 色 之 紅 、 綠 、 香 、 豔。文 史 之 騷 、 賦 、 題 、 吟。數 目 之 一 、 三 、 雙 、 半。

皆 無 其 字。 《 千 字 文 》 且 然, 況 其 他 乎？

Dư thường tập chư pháp thiếp tự vi thi. Tự chi bất phức nhi đa giả, mạc thiện vu ”Thiên văn tự”, nhiên thi gia mục tiền thường dụng chi tự, do khổ kỳ vị bị.

Thiên văn chi yên, hà, phong, tuyết. Địa lý chi giang, sơn, đường, ngạn. Thời lệnh chi xuân, tiêu, hiểu, mộ. Nhân vật chi ông, tăng, ngư, tiều. Hoa mộc chi hoa, liễu, đài, bình. Điểu thú chi phong, điệp, oanh, yên. Cung thất chi đài, lan, hiên, song. Khí dụng chi chu, thuyền, hồ, trượng. Nhân sự chi mộng, ức, sầu, hận. Y phục chi quần, tụ, cẩm, ỷ. Ẩm thực chi trà, tương, ấm, chước. Thân thể chi tu, mi, vận, thái. Thanh sắc chi hồng, lục, hương, diễm. Văn sử chi tao, phú, đề, ngâm. Số mục chi nhất, tam, song, bán.

Giai vô kỳ tự. Thiên văn tự thả nhiên, huống kỳ tha hồ?

103. Hoa không nên thấy rụng, trăng không nên thấy chìm, người đẹp không nên thấy chết yểu.

花 不 可 見 其 落， 月 不 可 見 其 沈， 美 人 不 可 見 其 夭。

Hoa bất khả kiến kỳ lạc, nguyệt bất khả kiến kỳ thẩm, mỹ nhân bất khả kiến kỳ yểu.

104. Trồng hoa nên thấy khi hoa nở, đón trăng nên thấy lúc trăng tròn, viết sách nên thấy lúc hoàn thành, người đẹp nên thấy được vui vẻ, sung sướng, nếu không thì chỉ uổng công.

種 花 須 見 其 開， 待 月 須 見 其 滿， 著 書 須 見 其 成， 美 人 須 見 其 暢 適， 方 有 實 際。 否 則 皆 為 虛 設。

Chủng hoa tu kiến kỳ khai, đãi nguyệt tu kiến kỳ mãn, trước thư tu kiến kỳ thành, mỹ nhân tu kiến kỳ sướng đích, phương hữu thực tế. Phủ tắc giai vi hư thiết.

105. Huệ Thi[[44]](#_44_1) viết nhiều, sách ông chứa đến năm xe; Ngu Khanh[[45]](#_45_1) vì cảnh cùng sầu mà viết sách, sách của cả hai ông đều không truyền đến ngày nay. Không biết trong sách nói gì? Tôi không gặp được người xưa, làm sao mà không hận?

惠 施 多 方， 其 書 五 車 ; 虞 卿 以 窮 愁 著 書， 今 皆 不 傳。 不 知 書 中 果 作 何 語 ？我 不 見 古人，安 得 不 恨 ?

Huê Thi đa phương, kỳ thư ngũ xa, Ngu Khanh dĩ cùng sầu trứ thư, kim giai bất truyền. Bất tri thư trung quả tác hà ngữ? Ngã bất kiến cổ nhân, an đắc bất hận ?

106. Lấy hoa thông làm lương thực, lấy trái thông làm hương liệu, lấy cành thông làm chổi quét, lấy sóng lao xao trên ngọn thông làm tiếng trống. Ở trong núi mà có được hơn trăm cây thông lớn, thật là có thể dùng mãi không hết.

以 松 花 為 量， 以 松 實 為 香， 以 松 枝 為 麈 尾， 以 松 陰 為 步 障， 以 松 濤 為 鼓 吹。 山 居 得 喬 松 百 餘 章， 真 乃 受 用 不 盡。

Dĩ tùng hoa vi lương, dĩ tùng thực vi hương, dĩ tùng chi vi chủ vĩ, dĩ tùng âm vi bộ chướng, dĩ tùng đào vi cổ xúy. Sơn cư đắc kiều tùng bách dư chương, chân nãi thụ dụng bất tận.

107. Phép ngắm trăng : trắng tỏ nên ngẩng mà ngắm, trăng mờ nên cúi mà nhìn.

玩 月 之 法，皎 潔 則 仰 觀，朦 朧 則 宜 俯 視。

Ngoạn nguyệt chi pháp : hạo khiết tắc nghi ngưỡng quán, mông lung tắc nghi phủ thị.

108. Trẻ thơ chẳng biết một điều gì, mắt không phân biệt được vẻ đẹp xấu, tai không phân biệt được tiếng đục trong, mũi chưa phân biệt được mùi thơm thối; nhưng nếu vị đắng hay ngọt thì không những biết ngay mà biết chọn hay bỏ nữa. Cho nên dùng đồ ngon ngọt để dỗ con thì mặt mày hớn hở, hầu như chỉ do vậy mà thôi.

孩 提 之 童， 一 無 所 知。 目 不 能 辨 美 惡， 耳 不 能 判 清 濁， 鼻 不 能 別 香 臭。 至 若 味 之 甘 苦， 則 不 第 知 之， 且 能 取 之 棄 之。 告 子 以 甘 食 、 悅 色 為 性，殆 指 此 類 耳。

Hài đề chi đồng, nhất vô sở tri. Mục bất năng biện mỹ ố, nhĩ bất năng phán thanh trọc, tỵ bất năng biệt hương xú. Chí nhược vị chi cam khổ, tắc bất đệ tri chi, thả năng thủ chi khí chi. Cáo tử dĩ cam thực, duyệt sắc vi tính, đãi chỉ thử loại nhĩ.

109. Phàm việc không nên khắt khe, nhưng đọc sách thì không thể không khắc khe; việc không nên tham, nhưng mua sách không thể không tham; việc không nên đam mê, nhưng làm việc thiện không thể không đam mê.

凡 事 不 宜 刻， 若 讀 書 則 不 可 不 刻 ; 凡 事 不 貪， 若 買 書 則 不 可 不 貪 ; 凡 事 不 宜， 若 行 則 可 不 癡。

Phàm sự bất nghi khắc, nhược độc thư tắc bất khả bất khắc, phàm sự bất nghi tham, nhược mãi thư tắc bất khả bất tham, phàm sự bất nghi si, nhược hành thiện tắc bất khả bất si.

110. Rượu cũng tốt, nhưng chớ để vì say sưa mà gây gỗ; sắc cũng tốt, nhưng chớ để vì si mê mà làm tổn hại đến đời sống; tiền cũng tốt, nhưng chớ để vì tham lam làm mờ tối lương tâm; nóng giận cũng được nhưng chớ để vì không kìm chế mà vượt qua chữ lý.

酒 可 好， 不 可 罵 座 ; 色 可 好， 不 可 傷 生 ; 財 可 好， 不 可 昧 心 ; 氣 可 好， 不 可 越 理。

Tửu khả hảo, bất khả mạ tọa; sắc khả hảo; bất khả thương sinh; tài khả hảo bất khả muội tâm; khí khả hảo; bất khả việt lý.

111. Tên tuổi văn chương có thể sánh với việc thi đậu; tiết kiệm có thể sánh với tài sản; thanh nhàn có thể sánh với tuổi thọ.

文 名， 可 以 當 科 第 ; 儉 德， 可 以 當 貨 財 ; 清 閒，可 以 當 壽 考。

Văn danh khả dĩ đương khoa đệ, kiệm đức khả dĩ đương hóa tài, thanh nhàn khả dĩ đương thọ khảo.

112. Không chỉ ngâm thơ mà còn đọc sách người xưa là làm bạn với cổ nhân, còn xem chữ viết và tranh vẽ của người xưa là đến được nơi họ ở.

不 獨 誦 其 詩 讀 其 書， 是 尚 友 古 人 ; 即 觀 字， 亦 是 尚 友 古 人 處。

Bất độc tụng kỳ thi, độc kỳ thư, thị thượng hữu cổ nhân; tức quán kỳ tự họa, diệc thị thượng hữu cổ nhân xứ.

113. Bố thí vô ích, không gì bằng cúng thầy tu; thơ văn vô ích, không gì bằng lời chúc thọ.

無 益 之 施 捨， 莫 過 于 齋 僧 ; 無 益 之 詩 文， 甚 于 祝 壽。

Vô ích chi thí xả mạc quá ư trai tăng, vô ích chi thi văn mạc quá ư chúc thọ.

114. Vợ lẽ đẹp không bằng vợ chính hiền, tiền nhiều không bằng cảnh thuận.

妾 美 不 如 妻 賢 ; 錢 多 不 如 境 順。

Thiếp mỹ bất như thê hiền, tiền đa bất như cảnh thuận.

115. Xây am mới, không bằng tu sửa miếu cũ; đọc sách mới, không bằng ôn văn xưa.

創 新 庵， 不 若 修 古 廟 ; 讀 生 書，不 溫 業。

Sáng tân am bất nhược tu cổ miếu; độc sinh thư bất nhược ôn cựu nghiệp.

116. Chữ viết và hội họa cùng chung một nguồn gốc, cứ xem lục thư xuất phát từ chữ tượng hình thì đủ biết.

字 與 畫 同 出 一 源， 觀 六 書 始 於 象 形， 則 可 知 矣。

Tự dữ họa đồng xuất nhất nguyên. Quán lục thư thủy ư tượng hình, tắc khả tri dĩ.

117. Vườn của người bận rộn, nên bố trí gần nhà; vườn của người nhàn nhã, có xa cũng chẳng hề gì.

忙 人 園 亭， 宜 與 住 宅 相 連 ; 閒 人 園 亭， 不 妨 與 住 宅 相 遠。

Mang nhân viên đình, nghi dữ trú trạch tướng liên, nhàn nhân viên đình, bất phương dữ trú trạch tương viễn.

118. Rượu có thể thay trà, trà không thể thay rượu; thơ có thể thay văn, văn không thể thay thơ; khúc có thể thay từ, từ không thể thay khúc; trăng có thể thay đèn, đèn không thể thay trăng; bút có thể thay miệng, miệng không thể thay bút; tỳ thiếp có thể thay người hầu, người hầu không thể thay tỳ thiếp.

酒可 以 當 茶， 茶 不 可 以 當 酒; 詩 可 以 當 文， 文 不 可 以 當 詩; 曲 可 以 當 詞， 詞 不 可 以 當 曲; 月可 以 當 燈， 燈 不 可 以 當 月; 筆 可 以 當 口， 口 不 可 以 當 筆; 婢 可 以 當 奴，奴 不 可 以 當 婢。

Tửu khả dĩ đương trà, trà bất khả dĩ đương tửu; thi khả dĩ đương văn, văn bất khả dĩ đương thi; khúc khả dĩ đương từ, từ bất khả dĩ đương khúc; nguyệt khả dĩ đương đăng, đăng bất khả dĩ đương nguyệt; bút khả dĩ đương khẩu, khẩu bất khả dĩ đương bút; tỳ khả dĩ đương nô, nô bất khả dĩ đương tỳ.

119. Mối bất bình nhỏ trong lòng, có thể dùng rượu để nguôi đi; mối bất bình lớn trong đời, không dùng kiếm không sao nguôi được.

胸 中 小 不 平， 可 以 酒 消 之 ; 世 間 大 不 平， 非 劍 不 能 消 也。

Hung trung tiểu bất bình, khả dĩ tửu tiêu chi; thế gián đại bất bình, phi kiếm bất năng tiêu dã.

120. Bất đắc dĩ mà phải nịnh thì thà dùng miệng, không nên dùng bút; bất đắc dĩ mà phải mắng cũng thà dùng miệng, không nên dùng bút.

不 得 以 而 諛 之 者， 寧 以 口， 毋 以 筆 ; 不 可 耐 而 罵 之 者， 亦 寧 以 口，毋 以 筆。

Bất đắc dĩ nhi du chi giả, ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút; bất khả nại nhi mạ chi giả, diệc ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút.

121. Kẻ đa tình tất mê sắc, nhưng kẻ mê sắc chưa hẳn đã đa tình; hồng nhan ắt bạc mệnh, nhưng kẻ bạc mệnh chưa hẳn đã là khách hồng nhan; kẻ biết làm thơ ắt thích rượu, nhưng kẻ thích rượu chưa hẳn đã biết làm thơ.

多 情 者 必 好 色， 而 好 色 者 未 必 盡 屬 多 情 ; 紅 顏 者 必 薄 命， 而 薄 命 者 未 必 盡 屬 紅 顏 ; 能 詩 者 必 好 酒， 而 好 酒 者 未 必 盡 屬 能 詩。

Đa tình giả tất háo sắc, nhi háo sắc giả vị tất tận thuộc đa tình, hồng nhan giả tất bạc mệnh, nhi bạc mệnh giả vị tất tận thuộc hồng nhan; năng thi giả tất háo tửu, nhi háo tửu giả vị tất tận thuộc năng thi.

122. Mai khiến người cao nhã, lan khiến người trầm mặc, cúc khiến người bình dã, sen khiến người điềm đạm, xuân hải đường khiến người xinh đẹp, mẫu đơn khiến người hào sảng, chuối và trúc khiến người phong vận, thu hải đường khiến người kiều mỵ, thông khiến người phóng dật, ngô đồng khiến người thanh cao, liễu khiến người sầu cảm.

梅 令 人 高， 蘭 令 人 幽， 菊 令 人 野， 蓮 令 人 淡， 春 海 棠 令 人 艷， 牡 丹 令 人 豪， 蕉 與 竹 令 人 韻， 秋 海 棠 令 人 媚， 松 令 人 逸， 桐 令 人 清， 柳 令 人 感。

Mai linh nhân cao, lan linh nhân u, cúc linh nhân dã, liên linh nhân đạm, xuân hải đường linh nhân diễm, mẫu đan linh nhân hào, tiêu dữ trúc linh nhân vận, thu hải đường linh nhân mị, tùng linh nhân dật, đồng linh nhân thanh, liễu linh nhân cảm.

123. Vật có thể làm cảm động lòng người, thì trên trời không có gì bằng ánh trăng, trong âm nhạc không có gì bằng đàn cầm, trong động vật không có gì bằng chim quyên, trong thực vật không có gì bằng cây liễu.